

Bản án số: 35/2020/HS-ST  
Ngày 26 / 8 / 2020

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Chí Bình.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Đặng Văn Tâm;

Ông Trương Phước Công.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:** Ông Lê Hoàng Vĩnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2020/TLST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Nguyễn Thành D (B), sinh năm 1970, tại huyện C, tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 3/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật giáo Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P (đã chết) và bà Đặng Thị Y (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị P và 05 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2012;

Tiền án, tiền sự: chưa;

Nhân thân:

+ Ngày 29/5/1999, bị Ủy ban nhân dân tỉnh A ra quyết định đưa vào cơ sở giáo dục trong thời gian 24 tháng, về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”, chấp hành xong ngày 04/3/2002;

+ Ngày 23/9/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 30/5/2016;

+ Ngày 23/12/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xử phạt 01 năm

tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong ngày 25/10/2017.

Bị bắt tạm giam từ ngày 13/6/2020 cho đến nay; có mặt.

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1983; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Ông Nguyễn Thanh S, sinh năm 1982; nơi cư trú: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

+ Ông Đặng Vũ T, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Bà Thạch Thị K; vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Thanh Đ; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị Cúc P; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Ngân G; vắng mặt.

+ Ông Huỳnh Phi N (H1); vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Thành L; vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do không có tiền tiêu xài nên Nguyễn Thành D nảy sinh ý định tìm tài sản lấy trộm. Khoảng 02 giờ 30 phút ngày 12/5/2020, D chạy xe đạp đến khu vực ấp A, xã A, huyện C, quan sát thấy nhà của Nguyễn Thị H đóng cửa, trước cửa nhà có dựng 01 xe mô tô, biển số 66L6-1857, không người trông coi, trên xe còn gắn chìa khóa. D lên lấy trộm xe chạy đến nhà của Đặng Vũ T (A) tại ấp L, xã L, huyện C, mục đích để nhờ T mang xe đi cầm cố, nhưng Thạch Thị K (mẹ ruột của T) phát hiện sự việc, nên trình báo Công an xã L mời D về làm việc và tạm giữ tang vật.

- Vật chứng thu giữ và xử lý vật chứng: 01 xe mô tô, biển số 66L6-1857 và giấy chứng nhận đăng ký xe, đã trả lại cho Nguyễn Thị H.

- Căn cứ Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG ngày 15/5/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C: 01 xe mô tô, biển số 66L6-1857, nhãn hiệu ESPERO, màu sơn đen, được thay ốp nhựa thân xe màu xanh - đen, tem số loại Wave RSX, có giá trị 3.000.000 đồng.

Ngày 11/6/2020, D bị khởi tố và ngày 13/6/2020, bị bắt tạm giam để điều tra.

Tại Cáo trạng số 31/CT-VKSCM ngày 28 tháng 7 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới đã truy tố bị cáo Nguyễn Thành D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

- Bị cáo thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng truy tố. Bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của Kiểm sát viên và xin Hội đồng xét xử xử phạt nhẹ.

- Bị hại bà Nguyễn Thị H cung cấp lời khai như đã khai trong giai đoạn điều tra và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Bên cạnh đó, bị cáo có nhân thân xấu do đã từng bị đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc; 02 lần bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới kết án về tội “*Trộm cắp tài sản*” nhưng không sửa đổi mà tiếp tục phạm tội. Cho nên, đề nghị xử phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, đề nghị xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung, do bị cáo làm thuê, thu nhập không ổn định nên đề nghị không áp dụng.

Về xử lý vật chứng, vật chứng đã được giao trả cho bị hại là phù hợp với quy định pháp luật nên không đề nghị xử lý lại.

Về trách nhiệm dân sự, do bị hại không yêu cầu bồi thường nên đề nghị không đề cập giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chợ Mới, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân

dân huyện Chợ Mới, Kiểm sát viên được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục được pháp luật tố tụng hình sự quy định. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo, bị cáo Nguyễn Thành D khai nhận, khoảng 02 giờ ngày 12/5/2020, bị cáo chạy xe đạp từ nhà đến khu vực xã A, huyện C. Trên đường đi, bị cáo nảy sinh ý định tìm tài sản sơ hở để lấy trộm. Khi đến gần nhà bà Nguyễn Thị H (thuộc ấp A, xã A), bị cáo dựng xe đạp cặp lề đường, rồi đi bộ đến nhà của bà H. Bị cáo dùng tay mở cửa rào, đi vào trong sân nhà, lấy trộm xe mô tô biển số 66L6-1857, có gắn sẵn chìa khóa. Bị cáo điều khiển xe mô tô tẩu thoát. Trên đường đi, bị cáo phát hiện trong xe có 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe và 01 giấy đăng ký xe nên bị cáo ném bỏ 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy phép lái xe rồi điều khiển xe đến nhà của Đặng Vũ T nhờ T mang xe mô tô đi cầm giùm. Do T nói xe dơ, phải vệ sinh mới cầm được nên bị cáo và T vệ sinh xe. Trong lúc cùng T đang vệ sinh xe, bị cáo thấy lực lượng Công an đến. Do sợ bị phát hiện nên bị cáo bỏ chạy. Lực lượng Công an đuổi theo, bắt giữ bị cáo cùng xe mô tô bị chiếm đoạt.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo ở giai đoạn điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác gồm: biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 13/5/2020 cùng sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường kèm theo do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Mới lập; lời khai của bà Nguyễn Thị H về việc phát hiện bị mất trộm xe mô tô biển số 66L6-1857, được dựng trước sân nhà vào khoảng 06 giờ ngày 12/5/2020; lời khai của ông Nguyễn Thanh Đ về việc phát hiện xe mô tô biển số 66L6-1857 của bà H bị mất trộm vào khoảng 06 giờ ngày 12/5/2020 nên báo cho bà H biết rồi bà H trình báo Công an; lời khai của bà Nguyễn Ngân G về việc nghe ông Đ truy hô nên biết bà H bị mất xe mô tô được dựng trước sân nhà của bà H; lời khai của bà Nguyễn Thị Cúc P về việc có nhặt được giấy chứng minh nhân dân và giấy phép lái xe do bà H đứng tên nên có đưa cho ông Đ chuyển cho bà H. Khi đó, bà P nghe ông Đ thông tin việc bà H bị mất xe mô tô; lời khai của ông Huỳnh Phi N về việc thấy lực lượng Công an truy đuổi bị cáo vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 12/5/2020 nên truy cản bị cáo và cùng lực lượng Công an khống chế bị cáo; lời khai của Đặng Vũ T về việc bị cáo điều khiển xe mô tô biển số 66L6-1857 đến nhà của T vào khoảng 05 giờ ngày 12/5/2020 và nhờ T đem cầm xe dùm. Do xe bị dơ nên T và bị cáo mang đi rửa. Đến khoảng 15 giờ, khi T xem bị cáo sửa xe thì lực lượng Công an phát hiện, bắt giữ bị cáo và thu giữ xe mô tô; lời khai của bà Thạch Thị K về việc thấy bị cáo đang tháo rời các bộ phận của xe mô tô biển số 66L6-1857 tại nhà của T vào khoảng 15 giờ ngày 12/5/2020. Do nghi ngờ xe mô tô này do bị cáo chiếm đoạt nên bà K gọi điện thoại báo cơ quan Công an. Một lúc sau, Công an đến phát hiện, bắt giữ bị cáo cùng xe mô tô.

Ngoài ra, lời khai của bị cáo còn phù hợp với vật chứng bị thu giữ là xe mô tô biển số 66L6-1857.

Người đứng tên trên giấy đăng ký mô tô, xe máy đối với xe mô tô biển số 66L6-1857 là Văng Viết T. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị H khai, xe mô tô biển số 66L6-1857 được vợ chồng bà H, ông Nguyễn Thanh S mua của người lạ cách ngày xảy ra sự việc khoảng 4-5 năm, không làm giấy tờ, không sang tên. Theo biên bản xác minh ngày 06/6/2020 do Cơ quan điều tra lập, ông Nguyễn Văn M, Phó Ban áp B, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp cung cấp, ông Văng Viết T đã đi khỏi địa phương và biết ông T đã bán xe mô tô biển số 66L6-1857 cách nay khoảng 4 năm. Đồng thời, bà Nguyễn Thị T, ông Nguyễn Thành L (cha, mẹ của ông S) khai, xe mô tô do ông S, bà H mua và ông S đã giao xe mô tô biển số 66L6-1857 cho bà H, quản lý, sử dụng. Cho nên, có cơ sở xác định bà H là người chiếm hữu, sử dụng hợp pháp xe mô tô bị chiếm đoạt.

Từ các chứng cứ trên, có cơ sở xác định, khi phát hiện bị hại sơ hở trong việc bảo quản tài sản, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt xe mô tô biển số 66L6-1857 của bà H.

Theo Kết luận định giá tài sản số 11/KL-HĐĐG ngày 15/5/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C, 01 xe mô tô biển số 66L6-1857, nhãn hiệu ESPERO, màu sơn đen, được thay ốp nhựa thân xe màu xanh - đen, tem số loại Wave RSX, có giá trị 3.000.000 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Hằng là xâm phạm quyền sở hữu của người khác nhưng vẫn cố ý thực hiện thông qua việc lợi dụng lúc đêm khuya, khi tài sản không có người trông giữ, nhanh chóng mang tài sản đi nơi khác tiêu thụ và sự thừa nhận của bị cáo tại phiên tòa. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Cho nên, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới truy tố bị cáo ra trước phiên tòa hôm nay và lời buộc tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tại phiên tòa là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, quyền sở hữu là một trong những quyền thiêng liêng gắn với mỗi cá nhân, được pháp luật ghi nhận và bảo vệ. Trong lĩnh vực luật hình sự, những ai xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác, đáp ứng quy định của pháp luật hình sự sẽ bị áp dụng chế tài nghiêm khắc nhất là hình phạt.

Bị cáo là người đang ở tuổi lao động. Đáng lẽ, bị cáo phải tìm cho mình một công việc phù hợp để nuôi sống bản thân, gia đình nhưng vì hám lợi, bị cáo trộm cắp tài sản của người khác. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bên cạnh đó, bị cáo có nhân thân không tốt do đã bị Ủy

ban nhân dân tỉnh A ra quyết định đưa vào cơ sở giáo dục trong thời gian 24 tháng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” vào ngày 29/5/1999; bị Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” vào ngày 23/9/2015 và xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” vào ngày 23/12/2016. Do đó, cần có hình phạt nghiêm, cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, để đảm bảo mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã tỏ rõ thái độ thành khẩn khai báo. Tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

[5] Về hình phạt bổ sung, do bị cáo làm thuê, thuộc thành phần lao động nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, Đặng Vũ T đã có hành vi cùng bị cáo vệ sinh xe mô tô biển số 66L6-1857 và nhận cầm xe mô tô dùm bị cáo nhưng không biết xe mô tô này do chiếm đoạt mà có. Cho nên, trách nhiệm hình sự không đặt ra đối với T là phù hợp với quy định pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp:

Trong giai đoạn điều tra, Cơ quan điều tra giao trả cho bị hại 01 xe mô tô biển số 66L6-1857 cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự nên không đề cập xử lý lại.

[8] Về trách nhiệm dân sự, sau khi nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường nên không đề cập giải quyết.

[9] Về án phí và quyền kháng cáo:

Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;*

*Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành D (B) phạm tội “Trộm cắp tài sản”;*

**Xử phạt:** Nguyễn Thành D: 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 13/6/2020 (*ngày mười ba, tháng sáu, năm hai nghìn không trăm*

hai mươi).

2. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Thành D phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Đặng Vũ T, ông Nguyễn Thanh S là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND H. Chợ Mới;
- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND tỉnh An Giang;
- Sở Tư pháp;
- Nhà Tạm giữ Công an H. C;
- CQTHAHS Công an H. C;
- CQĐT Công an H. Chợ Mới;
- Chi cục THADS H. C;
- Bộ phận THAHS Tòa án;
- UBND cấp xã nơi BC cư trú;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Chí Bình**